

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐẦU MỐI THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG CƠ CHẾ CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TẠI BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

ThS Nguyễn Thị Thúy Hồng
Cục Thông tin KH & CN quốc gia

Tóm tắt: Phân tích các căn cứ để xuất vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đầu mối thông tin khoa học và công nghệ trong cơ chế cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ tại bộ, ngành, địa phương. Mô tả vai trò và trách nhiệm của các tổ chức này trong cơ chế nói trên.

Từ khóa: Tổ chức đầu mối thông tin khoa học và công nghệ; cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.

Role and responsibilities of STI focal points at ministries and provinces in developing the national database on science and technology

Abstract: The article analyses the legal basis for the role and responsibilities of science and technology information focal points at ministries and provinces in the updating mechanism of national database on science and technology. Then, it describes in details their role and responsibilities in this mechanism.

Keywords: Science and technology information focal points; national science and technology database.

1. Đặt vấn đề

Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia phản ánh tiềm lực khoa học và công nghệ (KH&CN) của Việt Nam là yêu cầu cấp thiết để thực hiện các giải pháp tăng cường đảm bảo thông tin phục vụ hội nhập quốc tế về KH&CN. CSDL quốc gia nói trên sẽ cung cấp các nội dung thông tin chủ yếu về tiềm lực KH&CN của đất nước, gồm: thông tin về các tổ chức KH&CN; thông tin về cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (NC&PT); thông tin về các nhiệm vụ KH&CN (đang tiến hành, kết quả thực hiện và kết quả ứng dụng); thông

tin về tài liệu sở hữu trí tuệ, các công bố KH&CN và chỉ số trích dẫn trên các tạp chí, kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; thông tin về công nghệ, công nghệ cao, chuyển giao công nghệ; thông tin về thống kê KH&CN; thông tin về doanh nghiệp KH&CN; thông tin về KH&CN trong khu vực và trên thế giới và các thông tin khác có liên quan [Chính phủ, 2014].

Ở nước ta hiện nay, hầu như chưa có hệ thống CSDL KH&CN nào đáp ứng được các nhu cầu thông tin về tiềm lực KH&CN của đất nước. Một số CSDL KH&CN đơn lẻ đã được xây dựng nhưng

còn tản mạn, thiếu cơ sở lý luận và thực tiễn, thiếu tính hệ thống và tính liên thông. Điều đó đã và đang gây khó khăn không nhỏ cho hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN, đặc biệt là trong việc đánh giá trình độ hoạt động KH&CN của nước ta phục vụ hội nhập quốc tế về KH&CN.

Nhận thức được vai trò quan trọng của CSDL quốc gia về KH&CN, thời gian qua, một số công trình nghiên cứu về phương pháp luận xây dựng và phát triển CSDL quốc gia về KH&CN đã được tiến hành, như: “Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý CSDL quốc gia về tài liệu KH&CN Việt Nam” [Trần Đức Phương và các cộng sự, 2013]; “Nghiên cứu đề xuất cấu trúc, tiêu chí dữ liệu CSDL quốc gia về KH&CN” [Nguyễn Hồng Hạnh và các cộng sự, 2016]. Kết quả các công trình nghiên cứu này bước đầu đã được ứng dụng trong xây dựng các CSDL thành phần của CSDL quốc gia về KH&CN. Song song với việc nghiên cứu phương pháp luận, việc nghiên cứu cơ chế xây dựng và phát triển CSDL quốc gia về KH&CN cũng được đặt ra như một nhiệm vụ cần được ưu tiên thực hiện nhằm phục vụ việc triển khai xây dựng, vận hành và khai thác CSDL trong thực tiễn. Đó là lý do hình thành của đề tài nghiên cứu KH&CN cấp bộ “*Nghiên cứu cơ chế cập nhật, truy cập và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ tại các bộ, ngành và địa phương*” do Cục Thông tin KH&CN quốc gia chủ trì thực hiện.

Bài viết này giới thiệu một phần kết quả của nội dung nghiên cứu cơ chế cập nhật, truy cập và khai thác CSDL quốc gia về KH&CN của đề tài nói trên, giới hạn trong phạm vi *cơ chế cập nhật*.

2. Căn cứ đề xuất vai trò và trách nhiệm của tổ chức đầu mối thông tin khoa học và công nghệ trong cơ chế cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ tại bộ, ngành, địa phương

2.1. Căn cứ pháp lý

* *Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin KH&CN*

Trong Nghị định nói trên, trách nhiệm cập nhật CSDL quốc gia về KH&CN của các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN được quy định như sau:

- Tổ chức đầu mối thông tin KH&CN quốc gia có trách nhiệm cập nhật thông tin về các nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành, kết quả ứng dụng của các nhiệm vụ KH&CN; cập nhật các nguồn tin KH&CN thiết yếu, đáp ứng nhu cầu của quốc gia về phát triển KH&CN;

- Tổ chức đầu mối thông tin KH&CN cấp bộ có trách nhiệm cập nhật thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành, kết quả ứng dụng nhiệm vụ KH&CN thuộc phạm vi quản lý;

- Tổ chức đầu mối thông tin KH&CN cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật thông tin về các nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành, kết quả ứng dụng của các nhiệm vụ KH&CN trong phạm vi địa phương vào CSDL quốc gia về KH&CN; cập nhật thông tin về các nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành, kết quả ứng dụng của các nhiệm vụ KH&CN trong phạm vi địa phương vào CSDL quốc gia về KH&CN [Chính phủ, 2014].

* *Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ KH&CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN*

Trong Thông tư nói trên, trách nhiệm của các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN trong việc cập nhật thông tin về nhiệm vụ

KH&CN vào CSDL quốc gia về KH&CN được quy định như sau:

- Trách nhiệm của Cục Thông tin KH&CN quốc gia thuộc Bộ KH&CN:

- + Thu thập, cập nhật thông tin về nhiệm vụ KH&CN đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đang tiến hành; thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN cùng cấp tài trợ;

- + Cập nhật thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ và nhiệm vụ KH&CN do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN cấp Trung ương và cấp bộ tài trợ;

- + Thu thập, cập nhật thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đặc biệt, nhiệm vụ cấp quốc gia.

- Trách nhiệm của các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN cấp bộ:

- + Thu thập, cập nhật thông tin về nhiệm vụ KH&CN cấp bộ và cấp cơ sở đang tiến hành thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành; thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN cùng cấp tài trợ;

- + Cập nhật thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở trong phạm vi quản lý của bộ; lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp bộ và cấp cơ sở, nhiệm vụ KH&CN do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN thuộc phạm vi quản lý tài trợ;

- + Thu thập, cập nhật thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp bộ và cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Trách nhiệm của các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN cấp tỉnh:

- + Thu thập, cập nhật thông tin về nhiệm vụ KH&CN cấp bộ và cấp cơ sở đang tiến

hành thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN cùng cấp tài trợ;

- + Cập nhật thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở, nhiệm vụ KH&CN do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN thuộc phạm vi quản lý tài trợ;

- + Thu thập, cập nhật thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thời hạn cập nhật các thông tin nói trên vào CSDL quốc gia về KH&CN là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin [Bộ KH&CN, 2014].

** Quyết định số 1416/QĐ-BKHCN ngày 06/6/2013 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cục Thông tin KH&CN quốc gia*

Trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cục Thông tin KH&CN quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 1416/QĐ-BKHCN, tại điều 2 về nhiệm vụ và quyền hạn của Cục Thông tin KH&CN quốc gia, Bộ trưởng Bộ KH&CN đã giao cho Cục nhiệm vụ xây dựng và phát triển CSDL quốc gia về KH&CN; chủ trì cập nhật, bổ sung và phát triển nguồn thông tin KH&CN cho cả nước [Bộ KH&CN, 2013].

2.2. Năng lực tiếp cận, thu thập, xử lý nguồn tin đầu vào

Một trong những căn cứ quan trọng để đề xuất cơ chế cập nhật CSDL quốc gia về KH&CN là nguồn tin đầu vào. Trong đó, năng lực cập nhật nguồn tin này của tổ chức đầu mối thông tin KH&CN là yếu tố tiên quyết. Năng lực cập nhật CSDL quốc gia về KH&CN của các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN các cấp có thể được đánh giá theo một số tiêu chí chủ yếu sau:

- Khả năng tiếp cận và khai thác nguồn tin: được phản ánh qua vị thế của tổ chức trong việc thu thập và xử lý nguồn tin. Trong đó, chú trọng vị thế pháp lý của tổ chức trong hoạt động tiếp cận, thu thập nguồn tin. Ngoài ra, số lượng và chất lượng nguồn tin do tổ chức sở hữu hoặc có khả năng tiếp cận, khai thác cũng là một trong những tiêu chuẩn quan trọng khi đánh giá năng lực của tổ chức trong việc tiếp cận và khai thác nguồn tin;

- Khả năng kiểm soát, giám sát nguồn tin: là khả năng đảm bảo tính chính xác, tin cậy của nguồn tin; kiểm soát được sự trùng lặp (nếu có) đối với nguồn tin mà các tổ chức đầu mối về thông tin KH&CN khác đã cập nhật;

- Trình độ chọn lọc, xử lý nguồn tin: là việc đảm bảo về phương pháp luận cũng như kiến thức và kỹ năng của đội ngũ nhân lực thực hiện nhiệm vụ chọn lọc, xử lý và cập nhật thông tin vào CSDL;

- Máy móc thiết bị, công nghệ hỗ trợ cập nhật nguồn tin: phản ánh qua hệ thống máy móc, thiết bị và công nghệ được tổ chức sử dụng trong hoạt động thu thập, xử lý và cập nhật CSDL. Trong đó, chú trọng cơ sở hạ tầng mạng thông tin đảm bảo cho hoạt động cập nhật, truy cập và khai thác CSDL [Lê Xuân Định và các cộng sự, 2013].

Từ các tiêu chí trên, có thể tổng hợp năng lực tiếp cận, thu thập, xử lý nguồn tin đầu vào của các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN như trong Bảng 1.

Bảng 1. Tổng hợp năng lực cập nhật CSDL quốc gia về KH&CN của các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN.

TT	Nội dung nguồn tin	Tiêu chí đánh giá năng lực			
		Khả năng tiếp cận và khai thác nguồn tin	Khả năng kiểm soát, giám sát nguồn tin	Trình độ chọn lọc, xử lý nguồn tin	Máy móc thiết bị, công nghệ hỗ trợ
Tổ chức đầu mối thông tin KH&CN quốc gia (Cục Thông tin KH&CN quốc gia)					
1	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN	- Có vị thế pháp lý - Số lượng nguồn tin lớn và cập nhật thường xuyên, chủ yếu là thông tin cấp 2 (Phiếu thông tin về nhiệm vụ KH&CN) - Sở hữu CSDL DETAI và CSDL KQNC	- Có công cụ pháp lý, kinh nghiệm và kỹ thuật;	- Trình độ nghiệp vụ cao - Chuyên môn hóa cao	- Máy móc, thiết bị hiện đại - Quản lý mạng VinaREN
2	Thông tin về tổ chức KH&CN	- Số lượng nguồn tin lớn, cập nhật thường xuyên do kế thừa thông tin từ nhiệm vụ KH&CN - Thông tin từ báo cáo thống kê và điều tra thống kê	-nt-	-nt-	-nt-

3	Thông tin về nhân lực NC&PT	- Số lượng nguồn tin lớn, cập nhật thường xuyên do kế thừa thông tin từ nhiệm vụ KH&CN, nhưng chủ yếu là thông tin về nhân lực KH&CN nói chung; thông tin về nhân lực NC&PT còn hạn chế	-nt-	-nt-	-nt-
4	Thông tin về tài liệu KH&CN	- Sở hữu nhiều nguồn tin KH&CN trong và ngoài nước - Sở hữu CSDL STD	- Có kinh nghiệm, phương pháp và kỹ thuật	-nt-	-nt-
5	Thông tin thống kê KH&CN	- Có vị thế pháp lý - Sở hữu nguồn tin từ chế độ báo cáo và điều tra thống kê KH&CN	- Có công cụ pháp lý và kỹ thuật	-nt-	-nt-
6	Thông tin công nghệ	- Có vị thế pháp lý - Sở hữu CSDL Techmart Vietnam	- Có kinh nghiệm và kỹ thuật	-nt-	-nt-
7	Thông tin về KH&CN trong khu vực và trên thế giới	- Sở hữu một số nguồn tin KH&CN quốc tế (các CSDL mua từ nước ngoài) - Có khả năng tiếp cận nhiều nguồn tin KH&CN quốc tế	- Có kinh nghiệm và kỹ thuật	-nt-	-nt-

Tổ chức đầu mối thông tin KH&CN cấp bộ và cấp tỉnh

1	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN	- Có vị thế pháp lý - Số lượng nguồn tin hạn chế nhưng cập nhật thường xuyên, - Chủ yếu là thông tin cấp 2 (Phiếu thông tin về nhiệm vụ KH&CN)	- Có công cụ pháp lý - Ít kinh nghiệm và kỹ thuật	- Trình độ nghiệp vụ không đồng đều - Chuyên môn hóa chưa cao	- Máy móc, thiết bị hiện đại nhưng không đồng đều - Sử dụng mạng VinaREN, tuy nhiên không đều khắp
2	Thông tin về tổ chức KH&CN	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3	Thông tin về nhân lực NC&PT	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4	Thông tin về tài liệu KH&CN	- Số lượng nguồn tin KH&CN trong và ngoài nước hạn chế	- Ít kinh nghiệm, phương pháp và kỹ thuật	-nt-	-nt-
5	Thông tin thống kê KH&CN	- Số lượng nguồn tin hạn chế (chỉ trong phạm vi bộ, tỉnh)	- nt-	-nt-	-nt-

TT	Nội dung nguồn tin	Tiêu chí đánh giá năng lực			
		Khả năng tiếp cận và khai thác nguồn tin	Khả năng kiểm soát, giám sát nguồn tin	Trình độ chọn lọc, xử lý nguồn tin	Máy móc thiết bị, công nghệ hỗ trợ
6	Thông tin công nghệ	- Rất ít nguồn tin	- Ít kinh nghiệm và kỹ thuật	-nt-	-nt-
7	Thông tin về KH&CN trong khu vực và trên thế giới	- Hạn chế về khả năng tiếp cận, khai thác nguồn tin KH&CN quốc tế	- Ít kinh nghiệm và kỹ thuật	-nt-	-nt-

Nhận xét:

- Trong số các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN, Cục Thông tin KH&CN quốc gia là tổ chức đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về năng lực cập nhật CSDL quốc gia về KH&CN;

- Số lượng thông tin thuộc diện bao quát của CSDL quốc gia về KH&CN tại Cục là rất lớn do Cục có vị thế pháp lý về thu thập, lưu giữ các nguồn tin về nhiệm vụ KH&CN trong phạm vi cả nước; là cơ quan quản lý Thư viện KH&CN quốc gia và là đầu mối quốc gia về nhập tài liệu KH&CN;

- Cục Thông tin KH&CN quốc gia xây dựng và quản lý một số CSDL KH&CN thuộc diện bao quát của CSDL quốc gia về KH&CN, như: CSDL STD, CSDL nhiệm vụ KH&CN, CSDL thông tin công nghệ, Sàn Giao dịch công nghệ ảo (Techmart Vietnam)...

- Cục Thông tin KH&CN quốc gia sở hữu đội ngũ nhân lực có kinh nghiệm về thu thập, chọn lọc, xử lý và phục vụ thông tin KH&CN với sự hỗ trợ của hệ thống máy móc thiết bị hiện đại; quản lý mạng thông tin tiên tiến (VinaREN);

- Tổ chức đầu mối thông tin KH&CN cấp bộ và cấp tỉnh chưa đáp ứng phần lớn các

tiêu chí đánh giá năng lực cập nhật thông tin CSDL quốc gia về KH&CN. Nguồn tin về nhiệm vụ KH&CN, tổ chức KH&CN và nhân lực NC&PT tuy hạn chế về số lượng nhưng mức cập nhật ổn định.

Nhận xét trên đây được nhóm nghiên cứu lưu ý khi đề xuất vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN trong cơ chế cập nhật CSDL quốc gia về KH&CN.

3. Vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đầu mối thông tin khoa học và công nghệ trong cơ chế cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ tại bộ, ngành, địa phương

Vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN trong cơ chế cập nhật CSDL quốc gia về KH&CN tại bộ, ngành, địa phương được thể hiện trong Hình 1.

Sơ đồ trên được giải thích như sau:

3.1. Về tổ chức hệ thống

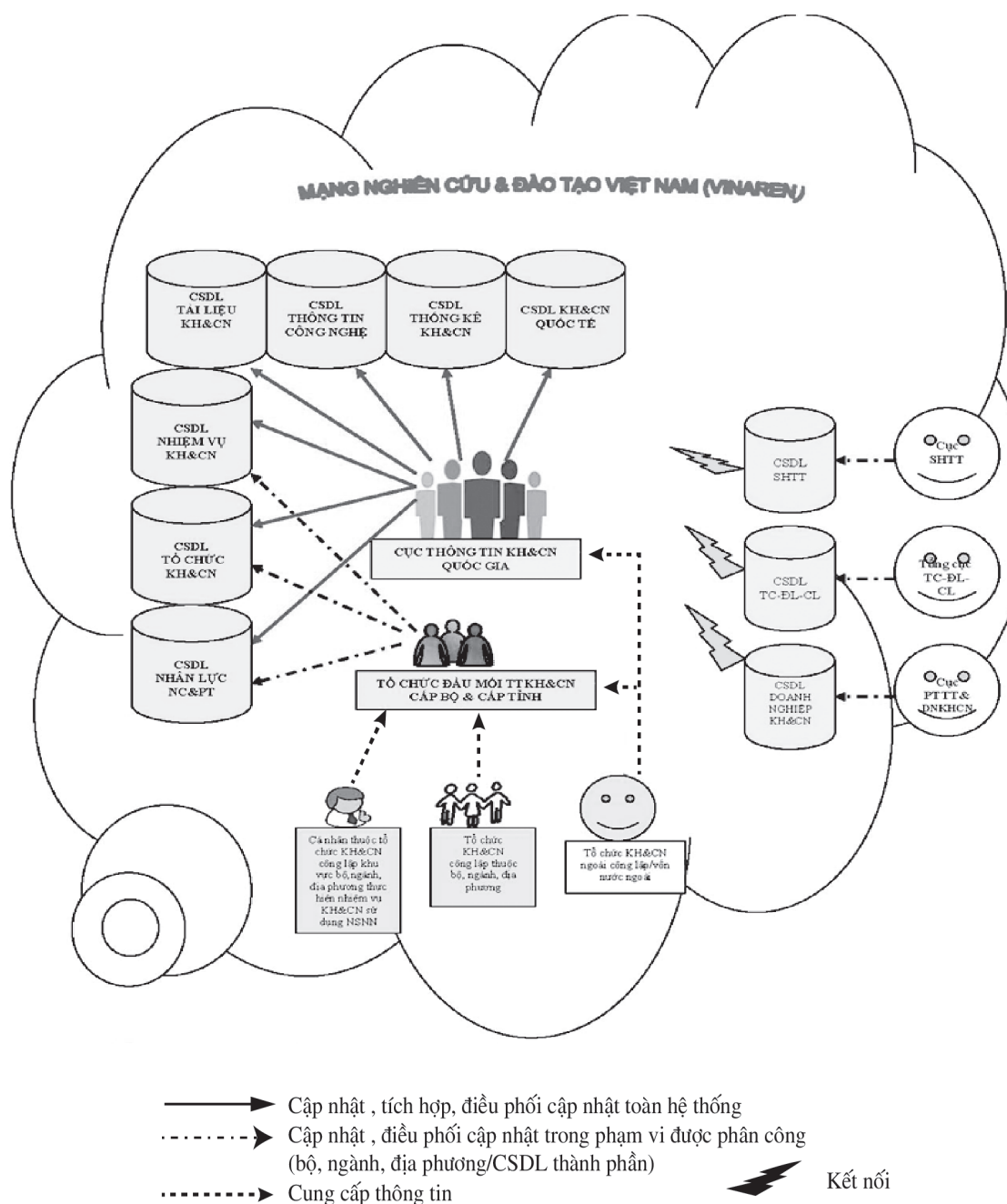
Hệ thống CSDL quốc gia về KH&CN được tổ chức theo mô hình tập trung một cấp với hai nhóm CSDL thành phần như sau:

- Nhóm CSDL thành phần do Cục Thông tin KH&CN quốc gia xây dựng và quản lý, với sự tham gia của các tổ chức đầu mối

thông tin KH&CN cấp bộ và cấp tỉnh, gồm nhân lực NC&PT);

các CSDL sau:

- + CSDL nhiệm vụ KH&CN;
- + CSDL tổ chức KH&CN;
- + CSDL cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi là CSDL KH&CN);
- + CSDL công bố khoa học và trích dẫn khoa học (sau đây gọi là CSDL tài liệu KH&CN);



Hình 1. Sơ đồ vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN trong cơ chế cập nhật CSDL quốc gia về KH&CN

- + CSDL thống kê KH&CN;
- + CSDL công nghệ, công nghệ cao, chuyển giao công nghệ (sau đây gọi là CSDL thông tin công nghệ);

- + CSDL thông tin KH&CN trong khu vực và trên thế giới (sau đây gọi là CSDL KH&CN quốc tế).

- Nhóm CSDL thành phần không do Cục Thông tin KH&CN quốc gia xây dựng và quản lý, gồm các CSDL sau:

- + CSDL sở hữu trí tuệ (SHTT) do Cục SHTT trực thuộc Bộ KH&CN xây dựng và quản lý;

- + CSDL tiêu chuẩn-đo lường-chất lượng (TC-ĐL-CL) do Tổng cục TC-ĐL-CL trực thuộc Bộ KH&CN xây dựng và quản lý;

- + CSDL doanh nghiệp KH&CN do Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN trực thuộc Bộ KH&CN xây dựng và quản lý.

3.2. Về vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đầu mối thông tin khoa học và công nghệ trong cơ chế cập nhật dữ liệu

Vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN trong cơ chế cập nhật CSDL quốc gia về KH&CN như sau:

3.2.1. Cục Thông tin KH&CN quốc gia:

- Ban hành quy chế quản lý, phân quyền cập nhật, khai thác, sử dụng CSDL quốc gia về KH&CN;

- Chủ trì tổ chức thực hiện việc cập nhật, tích hợp dữ liệu vào CSDL quốc gia về KH&CN;

- Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phần mềm CSDL để quản lý và phân quyền cho các bộ, ngành và địa phương cập nhật thông tin vào CSDL quốc gia về KH&CN theo quy trình và nghiệp vụ thống nhất;

- Cập nhật và tích hợp thông tin về các tổ chức KH&CN trong phạm vi cả nước;

- Cập nhật, tổng hợp và tích hợp dữ liệu thông tin về nhiệm vụ KH&CN sử dụng

NSNN, bao gồm:

- + Thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành cấp quốc gia và nhiệm vụ KH&CN đặc biệt. Tổng hợp, tích hợp thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở;

- + Thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, nhiệm vụ KH&CN cấp bộ. Tổng hợp và tích hợp thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở;

- + Thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia. Tổng hợp và tích hợp thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở.

- Cập nhật thông tin về nhiệm vụ KH&CN không sử dụng NSNN vào CSDL quốc gia về KH&CN;

- Cập nhật và tích hợp các CSDL thành phần sau đây vào CSDL quốc gia về KH&CN: CSDL nhân lực NC&PT, CSDL tài liệu KH&CN, CSDL thông tin công nghệ, CSDL thống kê KH&CN và CSDL KH&CN quốc tế.

3.2.2. Tổ chức đầu mối thông tin KH&CN cấp bộ:

- Thực hiện các biện pháp quản lý quyền cập nhật các thông tin thuộc phạm vi quản lý để bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống CSDL quốc gia về KH&CN và hạ tầng kỹ thuật thông tin.

- Cập nhật thông tin về các tổ chức KH&CN trực thuộc bộ, ngành;

- Cập nhật thông tin về cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành;

- Cập nhật thông tin về nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN, bao gồm:

- + Thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành cấp bộ, cấp cơ sở;

+ Thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

+ Thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp cơ sở;

- Cập nhật thông tin về nhiệm vụ KH&CN không sử dụng NSNN vào CSDL quốc gia về KH&CN.

3.2.3. Tổ chức đầu mối thông tin KH&CN cấp tỉnh:

- Thực hiện các biện pháp quản lý quyền truy cập và cập nhật các thông tin thuộc phạm vi quản lý để bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống CSDL quốc gia về KH&CN và hạ tầng kỹ thuật thông tin.

- Cập nhật thông tin về các tổ chức KH&CN tại địa phương;

- Cập nhật thông tin về cán bộ nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN ở địa phương.

- Cập nhật thông tin về nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN, bao gồm:

+ Thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành cấp tỉnh, cấp cơ sở;

+ Thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cơ sở;

+ Thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở.

- Kiểm tra, xử lý và cập nhật thông tin về nhiệm vụ KH&CN không sử dụng NSNN vào CSDL quốc gia về KH&CN.

4. Kết luận

Nhiệm vụ xây dựng và quản lý CSDL quốc gia về KH&CN bao gồm nhiều nội dung công việc được liên kết một cách chặt chẽ và hệ thống. Cơ chế cập nhật chỉ là một phần của toàn bộ cơ chế xây dựng và quản lý CSDL quốc gia về KH&CN và cần được nghiên cứu, đề xuất trong mối quan hệ chặt chẽ với cơ chế truy cập, khai thác, sử dụng CSDL; cơ chế bảo đảm an toàn an ninh thông tin CSDL quốc gia về KH&CN; v.v..., là những vấn đề vượt quá khuôn khổ

hạn chế của bài viết này. Đây mới chỉ là kết quả nghiên cứu lý thuyết và có thể được coi như là một trong những “nguyên liệu thô” để biên soạn Quy chế xây dựng, vận hành, khai thác và phát triển CSDL quốc gia về KH&CN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2014). Nghị định số 11/2014-NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động thông tin KH&CN, ban hành ngày 18/02/2014.

2. Bộ KH&CN (2014). Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN của Bộ KH&CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN, ban hành ngày 11/6/2014.

3. Bộ KH&CN (2013). Quyết định số 1416/QĐ-BKH&CN về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cục Thông tin KH&CN quốc gia, ban hành ngày 06/6/2013.

4. Lê Xuân Định và các cộng sự (2013). Nghiên cứu xây dựng khung và hệ tiêu chí phát triển CSDL KH&CN quốc tế cho hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN của Việt Nam/BCTH kết quả đề tài nghiên cứu KH&CN cấp nhà nước, mã số KX06.02/11-15. -Cơ quan chủ trì: Cục TTKH&CNQG.-Năm hoàn thành: 2013.

5. Trần Đức Phương và các cộng sự (2013). Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý CSDL quốc gia về tài liệu KH&CN Việt Nam/BCTH kết quả nghiên cứu KH&CN cấp bộ. -Cơ quan chủ trì: Cục TTKH&CNQG.-Năm hoàn thành: 2013.

6. Nguyễn Hồng Hạnh và các cộng sự (2016). Nghiên cứu đề xuất cấu trúc, tiêu chí dữ liệu CSDL quốc gia về KH&CN, Dự thảo BCTH kết quả nghiên cứu KH&CN cấp bộ. -Cơ quan chủ trì: Trung tâm TTTLKH&CNQG.-N: 2016

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-11-2016; Ngày phản biện đánh giá: 14-01-2017; Ngày chấp nhận đăng: 04-3-2017).